

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ - ST

Ngày 29 - 8 - 2023

V/v: Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hằng

2. Ông Thiệu Khắc Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc “Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện R, tỉnh L

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá V, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa anh V có mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, bản tự khai ngày 11/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá V chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào ngày 24/11/2006. Tuy nhiên, khi đó chị và anh V đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên anh chị không đến Ủy

ban nhân dân để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị và V xảy ra nhiều bất đồng quan quan điểm. Đến cuối năm 2012 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc sống mỗi người một tính cách, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn giữa chị và anh V đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2012 chị đã đưa 2 con vào tỉnh Lâm Đồng sinh sống, chị và anh V sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh V không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Bá V là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Bá V có 2 con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/11/2009 và Nguyễn Hoàng BN, sinh ngày 15/8/2012. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 11/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Bá V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 24/11/2006. Khi đó anh và chị H đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên anh và chị H không đến Ủy ban nhân dân để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống anh và chị H không có tiếng nói, bất đồng quan điểm về mọi mặt nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù mâu thuẫn anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Cuối năm 2012 chị H đã đưa 2 con vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn sinh sống còn anh vẫn làm ăn sinh sống ở quê nhà tại xã L1, huyện C. Anh và chị H sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có 2 con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/11/2009 và Nguyễn Hoàng BN, sinh ngày 15/8/2012. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng đồng ý.

- Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Thị H vắng mặt. Tuy nhiên chị H có đơn xin xét xử vắng

mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Bá V là vợ chồng. Về con chung: Chị xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Bá V đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng. Về con chung: Anh thống nhất giao 2 con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị H và anh V chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá V.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao 2 con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/11/2009 và Nguyễn Hoàng BN, sinh ngày 15/8/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu

anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá V tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2006, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh V là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con. Anh V có địa chỉ thường trú tại thôn T, xã L1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

[1.2]. Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào tháng 11 năm 2006. Quá trình chung sống chị H và anh V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải nên chị H và anh V đã sống ly thân từ cuối năm 2012 đến nay. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá V là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Chị H và anh V có 2 con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/11/2009 và Nguyễn Hoàng BN, sinh ngày 15/8/2012. Hiện nay 2 con đang ở với chị H. Chị H xin được nuôi cả 2 con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý. 2 con cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Chị H có đủ điều kiện về kinh tế và đạo đức để nuôi dạy con. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của các con và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự nên cần giao cả 2 con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Bá V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 13/11/2009 và Nguyễn Hoàng BN, sinh ngày 15/8/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Bá V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007352 ngày 31/7/2023. Chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt anh V, vắng mặt chị H. Anh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- Lưu: Hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà